

Bản án số: **07/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 09 - 4 - 2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Bà **Huỳnh Phương Lan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Lâm Sển** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp VH, xã VHP, huyện CT, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* Anh **Đoàn Thiện P**, sinh năm 1982. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VH, xã VHP, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Thị Đ trình bày:
Vào năm 2004, chị và anh Đoàn Thiện P tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã VHP, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau và đã có 02 con chung tên tên Đoàn Thiện Đ, sinh ngày 25/01/2005; Đoàn

Đức T, sinh ngày 05/10/2006. Nhưng đến khoảng năm 2013 thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau và kể từ thời gian này anh chị đã ly thân với nhau. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Đ yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Đoàn Thiện P

- Về việc nuôi con chung: Chị Đ đồng ý giao 02 người con chung tên Đoàn Thiện Đ, sinh ngày 25/01/2005; Đoàn Đức T, sinh ngày 05/10/2006 cho anh P chăm sóc nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các ý kiến của bị đơn anh Đoàn Thiện P có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh P có ý kiến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung anh P xác nhận đúng như chị Đ trình bày và anh cũng có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Đ vì con thương vợ thương con mong muốn hàn gắn đoàn tụ.

- Về việc nuôi con chung: Đồng ý tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đoàn Thiện Đ, sinh ngày 25/01/2005; Đoàn Đức T, sinh ngày 05/10/2006. Anh không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý hồ sơ, quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án: xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Đ là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận; Về việc nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Đ là đồng ý giao 02 người con chung tên Đoàn Thiện Đ, sinh ngày 25/01/2005; Đoàn Đức T, sinh ngày 05/10/2006 cho anh P chăm sóc nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Đoàn Thiện P và đồng ý giao 02 người con chung tên Đoàn Thiện Đ, sinh ngày 25/01/2005; Đoàn Đức T, sinh ngày 05/10/2006 cho anh P chăm sóc nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Đoàn Thiện P đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật và anh P cũng có đơn xin xét xử vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Đ thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn anh Đoàn Thiện P theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Đoàn Thiện P.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Đ cho rằng vào năm 2004, chị và anh Đoàn Thiện P tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã VHP, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hòa thuận. Nhưng đến khoảng cuối năm 2013 thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Lê Thị Đ và anh Đoàn Thiện P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị Đ cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh P. Do đó việc xin ly hôn của chị Đ đối với anh P là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Đoàn Thiện P.

[5] - Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Lê Thị Đ và anh Đoàn Thiện P là chị Đ đồng ý giao 02 người con chung tên Đoàn Thiện Đ, sinh ngày 25/01/2005; Đoàn Đức T, sinh ngày 05/10/2006 cho anh P tiếp tục trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[6] - Về tài sản chung: Chị Lê Thị Đ và anh Đoàn Thiện P xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] - Về nợ chung vợ chồng: Chị Lê Thị Đ và anh Đoàn Thiện P xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên ghi nhận để xem xét.

[9] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Lê Thị Đ phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009553 ngày 04/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Đ đối với bị đơn anh Đoàn Thiện P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Đ được ly hôn với bị đơn anh Đoàn Thiện P.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Lê Thị Đ và anh Đoàn Thiện P là chị Đèo đồng ý giao 02 người con chung tên Đoàn Thiện Đ, sinh ngày 25/01/2005; Đoàn Đức T, sinh ngày 05/10/2006 cho anh Phú tiếp tục trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Đ và anh Đoàn Thiện P xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Đ và anh Đoàn Thiện P xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị Đ phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009553 ngày 04/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu